TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/3/2023

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Quốc An.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà **Huỳnh Thị Tỏ.**

3. Bà **Huỳnh Thị Mỹ Hà.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Lưu Duy Mạnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 384/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp ĐM, xã KP, huyện GCĐ, Tiền Giang. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố C2, thị trấn VL, huyện GCĐ, Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 12/9/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Duy K trình bày:

Anh và chị Lê Thị Hồng T kết hôn và sống chung từ năm 2007, đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã VL (nay là thị trấn VL), huyện GCĐ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2019 thì thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K đi biển 03 đến 04 tháng mới về nhà một lần, về nhà khoảng 15 ngày. Khi về nhà anh K bắt gặp bạn trai nhắn tin cho chị T, anh K có khuyên can nhiều lần kêu chị T đừng nhắn tin cho người thanh niên này nữa nhưng không được. Đầu năm 2020, chị T làm công nhân ở LA sáng đi chiều về nhưng thường xuyên không về nhà, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh K biết được chị T chính thức quan hệ với người này và đi làm ở thành phố HCM, sống ly thân năm 2019 cho đến nay. Năm 2022, anh K có nộp đơn xin ly hôn nhưng do anh K đi biển nên Tòa án mời 02 lần anh K không đến Tòa nên Tòa án ra quyết

định đình chỉ vụ án. Vợ chồng không có hàn gắn trao đổi tình cảm, hiện tại không còn sống chung, không còn liên lạc với nhau. Nay không còn tình cảm với chị T nên anh K yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Hồng T.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 27/12/2008, Nguyễn Duy Q, sinh ngày 27/12/2008 và Nguyễn Duy T2, sinh ngày 14/7/2017. Sau khi ly hôn, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn Lê Thị Hồng T đã được tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Duy K.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy K, cho anh Nguyễn Duy K được ly hôn với chị Lê Thị Hồng T, giao con chung tên Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 27/12/2008, Nguyễn Duy Q, sinh ngày 27/12/2008 và Nguyễn Duy T2, sinh ngày 14/7/2017cho anh K nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng do anh K không yêu cầu; tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết; anh K phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Nguyễn Duy K có đơn xin vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Lê Thị Hồng T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Duy K và chị Lê Thị Hồng T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VL (nay là thị trấn VL), huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 05/5/2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Anh Nguyễn Duy K cho rằng quá trình sống chung hạnh phúc đến tháng 8 năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K đi biển 03 đến 04 tháng mới về nhà một lần, về nhà khoảng 15 ngày. Khi về nhà anh K bắt gặp bạn trai nhắn tin cho chị T, anh K có khuyên can nhiều lần kêu chị T đừng nhắn tin cho người thanh niên này nữa nhưng không được. Đầu năm 2020, chị T làm công nhân ở LA sáng đi chiều về nhưng thường xuyên không về nhà, từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh K biết được chị T chính thức quan hệ với người này và đi làm ở thành phố HCM, sống ly thân năm 2019 cho đến nay. Năm 2022, anh K có nộp đơn xin ly hôn nhưng do anh K đi biển nên Tòa án mời 02 lần anh K không đến Tòa nên Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án. Nay không còn tình cảm với chị T nên anh K xin được ly hôn với chị Lê Thị Hồng T.

[4] Bị đơn Lê Thị Hồng T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa.

[5] Xét, anh Nguyễn Duy K và chị Lê Thị Hồng T thường hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị Lê Thị Hồng T có quan hệ với người đàn ông khác từ năm 2019 cho đến nay, chị T không ở nhà thường xuyên, vợ chồng không có tiếng nói chung; chị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; giữa anh Nguyễn Duy K và chị Lê Thị Hồng T không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên anh Nguyễn Duy K yêu cầu được ly hôn với anh chị Lê Thị Hồng T là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Qua xác minh của chính quyền địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của anh K và chị T.

[6] Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 27/12/2008, Nguyễn Duy Q, sinh ngày 27/12/2008 và Nguyễn Duy T2, sinh ngày 14/7/2017. Sau khi ly hôn, anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[7] Xét, chị Lê Thị Hồng T cũng không có ý kiến gì về yêu cầu nuôi dưỡng con chung của anh K và hiện nay 03 con chung sống chung đang sống với anh K. Do đó yêu cầu nuôi 03 con chung tên Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 27/12/2008, Nguyễn Duy Q, sinh ngày 27/12/2008 và Nguyễn Duy T2, sinh ngày 14/7/2017 của anh K là có căn cứ, phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Duy K trình bày tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị T không có ý kiến về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Duy K phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Duy K được ly hôn với chị Lê Thị Hồng T

- Về con chung: Giao 03 con chung tên Nguyễn Duy Đ, sinh ngày 27/12/2008, Nguyễn Duy Q, sinh ngày 27/12/2008 và Nguyễn Duy T2, sinh ngày 14/7/2017. Chị Lê Thị Hồng T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Nguyễn Duy K không yêu cầu cấp dưỡng.

Chị Lê Thị Hồng T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Duy K phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0028152 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện GCĐ, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- UBND thị trấn VL, huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc An